TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 4 năm 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Điền;

Bà Nguyễn Thị Tần.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 2, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Đào Trọng T, sinh năm 1987.

Nơi ĐKHKTT: Khu 2, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở nước ngoài.

- Người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan : Ông Đào Văn B, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu 2, xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị N, ông B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt . Anh T vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N xác định vợ chồng kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ ngày 04/01/2014. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đến năm 2015 anh T đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cách xây dựng làm ăn kinh tế. Là người vợ chị đã cố gắng khắc phục nhưng hai vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Nhữ xác định vợ chồng có một con chung là cháu Đào Thị Kim T, sinh ngày 05/11/2014. Hiện cháu T đang ở cùng chị. Sau ly hôn chị đề nghị nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N tự nguyện chịu toàn bộ.

Phía bị đơn: Anh Đào Trọng T hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 22699/QLXNC-P5 ngày 27/10/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh T đã xuất cảnh ngày 27/11/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do chị N không biết địa chỉ của anh T ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của ông Đào Văn B là bố của anh T và được ông B cung cấp như sau: Hiện tại anh T đang ở Hàn Quốc địa chỉ cụ thể ông không biết. Nhưng gia đình và anh T vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại Zalo, Facebook, ông B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T và yêu cầu ông cung cấp địa chỉ của anh T ở nước ngoài, ông đã thông báo cho anh T biết xong anh T không cung cấp địa chỉ cho ông để cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại ông đã trao đổi nội dung chị N xin ly hôn anh T và anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Ông B xác định chị N và anh T có một con chung là cháu Đào Thị Kim T, sinh ngày 05/11/2014. Anh T hiện đang ở nước ngoài nhưng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Cháu Đào Thị Kim T có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim N, cho chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với anh Đào Trọng T.

- Về con chung:

Giao cháu Đào Thị Kim T, sinh ngày 5/11/2014 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu T thành niên, anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Anh T vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Đào Trọng T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 22699/QLXNC-P5 ngày 27/10/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh T đã xuất cảnh ngày 27/11/2018, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước . Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này anh T không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị N đề nghị xin ly hôn với anh T và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh T mà không cung cấp được địa chỉ anh T ở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của anh T là ông Đào Văn B là bố của anh T thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của anh T ở đâu tại nước ngoài, bản thân anh T không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được ông B thông báo. Căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa chị N, ông B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt . Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Đào Trọng T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2014 tại UBND xã Vĩnh L, huyện Lâm T, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N và anh T có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Mặc dù anh T không có lời khai xong

thông qua ông B là bố của anh T cung cấp quan điểm của anh T cũng nhất trí ly hôn với chị N. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung là cháu Đào Thị Kim T, sinh ngày 05/11/2014. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Xét thấy: Nguyện vọng của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện cháu T đang ở với chị N và có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Anh T hiện đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu T nên giao cháu T cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim N được ly hôn anh Đào Trọng T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Kim N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Đào Thị Kim T, sinh ngày 05/11/2014. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh T có quyền và nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số : 0000087 ngày 11/11/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Nguyễn Thị Kim N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Đào Trọng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Hương